

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	MT610025
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh chuyên ngành môi trường
1.3. Tên tiếng Anh:	English for Environmental Studies
1.4. Số tín chỉ:	2 (2 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Môi trường
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Thắm
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Vũ Thế Hà, TS. Lê Duy Khương
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh chuyên ngành môi trường, người học có thể sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành khoa học môi trường và nắm được bối cảnh sử dụng các thuật ngữ về tài nguyên và môi trường, đồng thời giúp người học phát triển các kỹ năng nghe, đọc hiểu, củng cố các từ vựng và thuật ngữ môi trường bằng tiếng Anh, từng bước hình thành năng lực dịch các tài liệu khoa học môi trường bằng tiếng Anh.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực môi trường.

- CO2: Nghe và đọc hiểu được các bài báo khoa học bằng tiếng Anh thuộc chuyên ngành môi trường.

- CO3: Thuyết trình được các chủ đề môi trường bằng tiếng Anh.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO4: Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, phân tích và tóm tắt các tài liệu chuyên ngành.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có khả năng nhận thức và lý giải các vấn đề môi trường, có trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sử dụng được những từ vựng, cụm từ tiếng Anh chuyên ngành môi trường.	CO1, CO5
CLO2	Vận dụng được kỹ năng nghe các bài giảng chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh một cách linh hoạt.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
CLO3	Áp dụng được kỹ năng viết các câu, đoạn văn, bài luận, bài báo khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
CLO4	Đọc hiểu được và dịch được các bài viết khoa học thuộc lĩnh vực môi trường bằng tiếng Anh.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6
CLO5	Sử dụng thành thạo kỹ năng thuyết trình các bài báo khoa học chuyên ngành môi trường bằng poster và power point.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A¹ cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		I						I	I	R	I	
CLO2		I						I	I	R	I	
CLO3		R						R	I	M	R	I

¹ I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu;

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO4		R		I				R	I	M	R	I
CLO5		R		I				R	M	M	I	I
Tổng hợp học phần		R		I				R	I	M	R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Richard Lee (2009), *English for Environmental science in higher education studies*, Garnet Publishing Ltd.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Đặng Thị Vân Anh, Phan Vũ Bình Minh (2016), *English for Environmental Technology*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/buổi x 1 buổi/tuần x 15 tuần = 60 tiết/ 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 3 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Unit 1: What is environmental science? 1.1. Definition of environmental science 1.2. Aspects of environmental science	4	- Sử dụng được những từ vựng tiếng Anh chuyên ngành khoa học môi trường, xác định được những hậu tố “affixes” và tiền tố “prefixes” - Vận dụng kỹ năng nghe 1 bài giảng: chuẩn bị trước khi nghe, đoán nội dung bài giảng và ghi chú	CLO1, CLO2,	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập - Giao BTVN
2	Unit 2: What do environmental scientists do? 2.1. The role of environmental	4	- Áp dụng được kỹ năng sử dụng từ điển Anh - Anh để tra từ: phân biệt: headwords, definitions, parts of speech, phonemes,	CLO1, CLO3, CLO4	- Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	science 2.2. Careers in environmental science		stress markers, countable/uncountable noun - Áp dụng kỹ năng đọc: sử dụng: “research questions” để tìm những thông tin liên quan đến bài đọc, sử dụng câu chủ đề “topic sentences” để tóm tắt bài đọc - Thực hành kỹ năng viết câu chủ đề		- Giao BTVN
3	Bài kiểm tra số 1 (A2.1) Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh liên quan đến Unit 1, 2 và thuyết trình	4	Trình bày và sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh về khoa học môi trường, khoa học trái đất, các vấn đề về môi trường, các lớp khí quyển và các loại năng lượng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận
4	Unit 3: The atmosphere 3.1. Gaseous composition of atmosphere 3.2. Effects of human activity on atmosphere 3.3. Depletion of the ozone layer	4	- Áp dụng được quy tắc đánh dấu trọng âm trong từ đa âm tiết - Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng - Thực hành kỹ năng nói: báo cáo kết quả nghiên cứu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập - Giao BTVN
5	Unit 4: Computers in environmental science 4.1. Digital mapping/GIS 4.2. Computer for research	4	- Sử dụng được các thuật ngữ liên quan đến máy tính, các từ “abbreviations” và “acronyms”, phân biệt được những hậu tố là danh từ và động từ - Vận dụng được kỹ năng đọc và dịch: cách phát triển ý trong đoạn văn, dịch bài đọc liên quan đến việc sử dụng mạng internet một cách hiệu quả	CLO1, CLO3, CLO4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập - Giao BTVN
6	Unit 5: Energy resources 5.1. Non-renewable energy sources and	4	- Xây dựng được chuỗi từ: synonyms, antonyms... - Sử dụng được kỹ	CLO1, CLO2, CLO4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	their environmental impact 5.2. Renewable energy sources: solar, hydro, wind power		năng nghe: hiểu được “signpost language” trong các bài giảng, cách sử dụng những ký hiệu và cách ghi chú bài giảng - Sử dụng được kỹ năng tóm các kết quả		- Chữa bài tập - Giao BTVN
7	Bài kiểm tra số 2 (A2.2) Sinh viên được chọn, tìm hiểu nội dung thuyết trình một trong các chủ đề sau theo nhóm: 1.Noise pollution 2. Waste water treatment 3. Water quality management	4	- Trình bày và sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh về ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm nước và các biện pháp xử lý - Đọc hiểu được bài báo khoa học về lĩnh vực ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm nước và biện pháp xử lý	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình (poster presentation) - Thảo luận
8	Unit 6: Soil as a resource 6.1. Composition of soil/difference types of soil 6.2. Impact of intensive farming on soil	4	- Sử dụng được thành thạo các từ đồng nghĩa, “synonyms” những chủ ngữ thay thế, viết lại câu “paraphrasing” - Có kỹ năng đọc dịch tìm kiếm các thông tin chính trong những câu phức tạp - Có kỹ năng viết lại câu sử dụng kỹ thuật “paraphrasing”	CLO1, CLO3, CLO4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập - Giao BTVN
9	Unit 7: Recycling waste 7.1. Recycling methods and processes 7.2. Advantages and disadvantages of recycling	4	- Sử dụng được thành thạo các danh từ ghép, các cụm từ cố định trong tiếng Anh chuyên ngành môi trường - Có kỹ năng nghe hiểu: những nội dung mà người nói nhấn mạnh	CLO1, CLO2	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập - Giao BTVN
10	Unit 8: Ecosystems 8.1. The Earth’s	4	- Sử dụng được thành thạo “synonyms”, cách chuyển từ động	CLO1, CLO3, CLO4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm bài tập trên

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<p>biosphere</p> <p>8.2. Definition of ecosystem</p> <p>8.3. How organisms interact within an ecosystem/food chains</p>		<p>từ sang danh từ, những động từ thường sử dụng phổ biến trong nghiên cứu: discuss, analyze, evaluate...</p> <p>- Sử dụng được kỹ năng đọc, dịch sử dụng mệnh đề phụ với thể bị động</p>		<p>lớp</p> <p>- Chữa bài tập</p> <p>- Giao BTVN</p>
11	<p>Unit 9: Preserving biodiversity</p> <p>9.1 Impact of human activity on flora and fauna</p> <p>9.2. Accelerated extinctions</p> <p>9.3. Case study: lowland and mountain gorilla</p>	4	<p>- Sử dụng thành thạo các cụm từ cố định trong môi trường</p> <p>- Có kỹ năng nghe hiểu: sử dụng hệ thống ghi chú của Cornell để lấy thông tin</p> <p>- Có kỹ năng nói trong hội nghị khoa học</p>	CLO1, CLO2, CLO5	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Làm bài tập trên lớp</p> <p>- Chữa bài tập</p> <p>- Giao BTVN</p>
12	<p>Unit 10: Pollution</p> <p>10.1.Environmental effects of modern transportation systems and power stations</p> <p>10.2. Technological and legislative measures to reduce pollution</p>	4	<p>- Phân biệt được những từ vựng “neutral” và “marked”, sử dụng thành thạo những cụm từ cố định trong khoa học môi trường</p> <p>- Có kỹ năng đọc, dịch: nhận diện những khuynh hướng thể hiện mức độ khẳng định của người viết</p> <p>- Biết cách sử dụng trích dẫn trực tiếp và trích dẫn tài liệu tham khảo</p>	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Làm bài tập trên lớp</p> <p>- Chữa bài tập</p> <p>- Giao BTVN</p>
13	<p>Unit 11: Agriculture</p> <p>11.1. Environmental impacts of modern farming methods</p> <p>11.2. GM foods</p> <p>11.3. Organic farming</p>	4	<p>- Sử dụng thành thạo từ, liên từ, các cụm từ cố định trong chuyên ngành</p> <p>- Có kỹ năng nghe: lấy thông tin cần ghi chú</p> <p>- Đưa ra được các ý kiến phản biện, đồng ý hoặc không đồng ý tại hội nghị khoa học</p>	CLO1, CLO2, CLO5	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- Làm bài tập trên lớp</p> <p>- Chữa bài tập</p> <p>- Giao BTVN</p>
14	<p>Unit 12: Sustainability</p>	4	<p>- Sử dụng được các động từ dùng để giới</p>	CLO1, CLO2,	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Thảo luận</p>

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	12.1. The concept of sustainability 12.2. Survey gathering quantitative data on attitudes on sustainable transport		thiếu các nội dung từ các nguồn trích dẫn khác nhau (contends, suggests, asserts...), sử dụng được các liên từ mang ý nghĩa trái ngược nhau, những từ chỉ số lượng - Đọc và dịch được những đoạn văn có sử dụng liên từ	CLO3, CLO4, CLO5	- Làm bài tập trên lớp - Chữa bài tập - Giao BTVN
15	Bài kiểm tra số 3 Sinh viên được chọn, tìm hiểu nội dung thuyết trình các bài báo tiếng Anh chuyên ngành theo một trong các chủ đề sau: Sustainable agriculture, Application of GIS in environmental science, Renewable energy	4	- Trình bày và sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh về nông nghiệp bền vững, ứng dụng của GIS trong môi trường, năng lượng tái tạo - Đọc và dịch được các bài báo khoa học về lĩnh vực nông nghiệp bền vững, ứng dụng của GIS trong môi trường, năng lượng tái tạo.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình (oral presentation) - Thảo luận

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Thời gian tham dự, ý thức dự lớp, thái độ tham dự, ý thức tự học	Thời gian 30%, ý thức dự lớp 30%, ý thức tự học 40			Điểm danh, ghi chú thái độ tham dự lớp của từng sinh viên theo buổi học, sau đó chấm điểm.

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến Unit 1, 2	30%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành và trình bày lại kết quả nghiên cứu
		Các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến các chủ đề: Noise pollution, Waste water treatment, Water quality management	30%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành và trình bày lại kết quả nghiên cứu
		Các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến các chủ đề: Sustainable agriculture, Application of GIS in environmental science, Renewable energy	40%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành và trình bày lại kết quả nghiên cứu
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Các nội dung từ Unit 1 đến Unit 12	100%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên làm bài thi viết trên giấy

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp	Ý thức tự học (40%)

		(30%)	
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ \geq 90% số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ \geq 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

a. Bài kiểm tra định kỳ số 1 (A2.1)

- Nội dung: Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến nội dung Unit 1, 2 và trình bày lại kết quả nghiên cứu
- Hình thức: Sinh viên thuyết trình theo nhóm
- Thời gian: 20 phút/ nhóm

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung bài báo	Phù hợp với yêu cầu	3
2	Hình thức trình bày powerpoint	Rõ ràng, đầy đủ các nội dung, sạch đẹp	3
3	Kỹ năng thuyết trình	Phát âm chuẩn, rõ ràng, mạch lạc, tự tin, biết sử dụng các liên từ, trả lời câu hỏi chính xác	4
Tổng điểm			10

b. Bài kiểm tra định kỳ số 2 (A2.2)

- Nội dung: Sinh viên được chọn, tìm hiểu nội dung thuyết trình một trong các chủ đề sau theo nhóm: Noise pollution, Waste water treatment, Water quality management
- Hình thức: Sinh viên thuyết trình theo nhóm
- Thời gian: 20 phút/ nhóm

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung bài báo	Phù hợp với yêu cầu	3
2	Hình thức trình bày poster	Rõ ràng, đầy đủ các nội dung, sạch đẹp	4
3	Kỹ năng thuyết trình	Phát âm chuẩn, rõ ràng, mạch lạc, tự tin, biết sử dụng	3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	trình	các liên từ, trả lời câu hỏi chính xác	
Tổng điểm			10

c. Bài kiểm tra định kỳ số 3 (A2.3)

- Nội dung: Sinh viên được chọn, tìm hiểu nội dung thuyết trình một trong các chủ đề sau theo nhóm: Sustainable agriculture, Application of GIS in environmental science, Renewable energy

- Hình thức: Sinh viên thuyết trình theo nhóm

- Thời gian: 20 phút/ nhóm

Bảng 6.3. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung bài báo	Phù hợp với yêu cầu	3
2	Hình thức trình bày powerpoint	Rõ ràng, đầy đủ các nội dung, sạch đẹp	3
3	Kỹ năng thuyết trình	Phát âm chuẩn, rõ ràng, mạch lạc, tự tin, biết sử dụng các liên từ	4
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các nội dung từ Unit 1 đến Unit 12

- Hình thức: Sinh viên làm bài thi trên giấy


- Thời gian: 60 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Unit 1 - Unit 4	- Đưa ra các đáp án chính xác: 100% (3 điểm) - Đáp án sai sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	3
2	Unit 5 - Unit 8	- Đưa ra các đáp án chính xác: 100% (3 điểm) - Đáp án sai sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	3
3	Unit 9 - Unit 12	- Đưa ra các đáp án chính xác: 100% (4 điểm) - Đáp án sai sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Trưởng khoa



Lê Duy Khương

Người biên soạn



Nguyễn Thị Thắm

